

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3868/2023/LĐ-ST

Ngày: 25/9/2023

*V/v Tranh chấp tiền lương và
tiền bảo hiểm sau khi chấm dứt
hợp đồng lao động.*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Hùng – Cán bộ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức.

2. Ông Võ Văn Lợi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp tiền lương và tiền bảo hiểm sau khi chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5160/2023/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5819/QĐHPT ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Danh Hoàng Kim N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Lâu A, Số H - H, đường N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H (*Theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2023*)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Q1

Trụ sở: Tầng F, nhà xưởng số 4, Lô I, Đường N, khu C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đình Bảo Q, sinh năm 1971, địa chỉ: I Mỹ Thái B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Ông H có mặt, đại diện Công ty Q1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17/4/2023, nguyên đơn – bà Danh Hoàng Kim N có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngày 01/4/2022, nguyên đơn và Công ty Cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Công ty Q1) ký kết Hợp đồng lao động số 01042022/HĐLĐ lần 1 với nội dung như sau: Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 01/4/2022 đến ngày 31/3/2023; vị trí công việc: Công nhân sản xuất; mức lương: 5.500.000 đồng/tháng; Hình thức trả lương: L được tính và được thanh toán bằng chuyển khoản vào ngày 10 hàng tháng.

Từ tháng 10/2022 đến nay, Công ty Q1 không thanh toán đầy đủ tiền lương cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết các nội dung sau:

- Buộc Công ty Q1 thanh toán đầy đủ, một lần tiền lương và phụ cấp còn nợ của các 10/2022, 11/2022, 12/2022, 01/2023, 02/2023 là 20.696.414 đồng cho nguyên đơn;

- Buộc Công ty Q1 phải đóng đầy đủ cho nguyên đơn BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật.

Sau khi đối chiếu và tính toán lại các khoản tiền mà Công ty Q1 đã trả cho nguyên đơn thì tôi xin thay mặt nguyên đơn xác nhận lại các yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

1. Về tiền lương, phụ cấp:

a. Tiền lương, phụ cấp từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023:

Căn cứ theo phiếu lương do Công ty Q1 lập thì lương của nguyên đơn từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 là: 24.999.892 đồng, cụ thể như sau:

- Lương tháng 10/2022 là: 5.485.191 đồng;

- L tháng 11/2022 là: 6.096.731 đồng;

- L tháng 12/2022 là: 4.930.278 đồng;

- L tháng 01/2023 là: 4.935.192 đồng;

- L tháng 02/2023 là: 3.552.500 đồng.

Tuy nhiên, Công ty Q1 chỉ mới thanh toán một phần tiền lương của tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Lương tháng 10/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 3.500.000 đồng (ngày 23/12/2022), 397.038 đồng (ngày 24/3/2023) còn nợ lại số tiền là: 5.485.191 đồng – (3.500.000 + 397.038) đồng = 1.588.153 đồng; (1)

- Lương tháng 11/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 1.219.346 đồng (ngày 20/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 6.096.731 đồng – 1.219.346 đồng = 4.877.385 đồng; (2)

- Lương tháng 12/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 986.056 đồng (ngày 22/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 4.930.278 đồng – 986.056 đồng = 3.944.222 đồng; (3)

- Lương tháng 01/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 987.038 đồng (ngày 17/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 4.935.192 đồng – 987.038 đồng = 3.948.154 đồng; (4)

- Lương tháng 02/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 710.500 đồng (ngày 15/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 3.552.500 đồng – 710.500 đồng = 2.842.000 đồng; (5)

Tổng số tiền tiền lương của tháng 10/2022, 11/2022, 12/2022, 01/2023, 02/2023 mà Công ty Q1 còn nợ nguyên đơn là: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 17.199.914 đồng.

Ngoài ra bà N còn yêu cầu Công ty Q1 phải thanh toán tiền lương và tiền phụ cấp của bà N tháng 3/2023 là 5.500.000 đồng/tháng x 70% = 3.850.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền nguyên đơn phải đóng BHXH, BHYT, BHTN và đoàn phí của tháng 3/2023 thì số tiền mà Công ty Q1 phải thanh toán cho nguyên đơn trong tháng 3/2023 là: 3.850.000 – 597.500 = 3.252.500 đồng.

Tổng cộng là 20.452.414 đồng.

2. Về BHXH, BHYT, BHTN

Nguyên đơn làm việc tại Công ty Q1 từ tháng 4/2022, hàng tháng Công ty Cổ phần Q1 đều khấu trừ tiền lương của nguyên đơn với số tiền là 597.500 đồng. Theo phiếu lương do Công ty Q1 lập thì số tiền khấu trừ sẽ được dùng để đóng BHXH: 440.000 đồng, đóng BHYT: 82.500 đồng, đóng BHTN: 105.000 đồng, thế nhưng Công ty Q1 lại không đóng BHYT, BHXH, BHTN đầy đủ cho nguyên đơn.

Căn cứ Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHTN, BHYT do Bảo hiểm xã hội thành phố T lập ngày 30/5/2023 thì quá trình đóng BHXH, BHTN, BHYT của nguyên đơn tại Công ty Q1 như sau:

- Công ty Q1 còn nợ BHXH cho nguyên đơn từ tháng 02/2023 đến tháng 03/2023; còn nợ BHTN, BHYT từ tháng 03/2023.

- Công ty Q1 không đóng BHTN, BHYT cho nguyên đơn đến đến tháng 03/2023.

Nhận thấy việc Công ty Cổ phần Q1 không thanh toán tiền lương và không đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho nguyên đơn đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức giải quyết như sau:

Buộc Công ty Cổ phần Q1 phải đóng đầy đủ BHXH từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023, đóng BHTN, BHYT đến tháng 03/2023 cho bà N theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2023, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định yêu cầu theo đơn khởi kiện và rút một phần yêu cầu như sau:

1/ Buộc Công ty Q1 thanh toán cho bà N đầy đủ tiền lương và phụ cấp còn nợ (của các tháng 10, 11, 12/2022 và tháng 01, 02/2023), với số tiền là 17.199.914 đồng.

Về tiền lương, phụ cấp tháng 03/2023, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Buộc Công ty Cổ phần Q1 phải đóng đầy đủ BHXH đóng BHTN, BHYT cho bà Nguyễn Thị Huyền T theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 15/7/2023, bị đơn – Công ty cổ phần Q1 có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Bá P trình bày như sau: Công ty Q1 có ký kết Hợp đồng lao động với bà Danh Hoàng Kim N theo Hợp đồng lao động số 01042022/HĐLD Lần 1 ngày 01/4/2022.

Công ty Q1 chưa thanh toán một phần tiền lương của bà N thuộc các tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 là 19.199.914 đồng, chậm nộp bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2022 đến tháng 02/2023; đã nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 02/2023.

Người lao động đã thôi việc nhưng chưa bàn giao công cụ lao động cho công ty. Công ty Q1 không có nguồn tài chính để thanh toán phần tiền lương còn lại và nộp BHXH cho nguyên đơn. Công ty sẽ thanh toán số tiền trên vào tháng 4/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Công ty Cổ phần Q1 phải thanh toán tiền lương, phụ cấp lương cho bà D Hoàng Kim N là 17.199.914 (Mười bảy triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm mười bốn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm tiếp tục đóng Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà D Hoàng Kim N với mức lương là 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm ngàn) đồng, theo tỷ lệ pháp luật về bảo hiểm quy định.

Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm đóng số nợ BHXH, BHYT, BHTN và có trách nhiệm chốt sổ BHXH cho bà D Hoàng Kim N theo quy định;

Bà N rút yêu cầu Công ty Q1 phải thanh toán tiền lương và tiền phụ cấp của bà N tháng 3/2023 là 3.252.500 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Danh Hoàng Kim N với Công ty Q1 giải quyết quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động phát sinh từ Hợp đồng lao động số 01042022/HĐLĐ ngày 01/4/2022 là tranh chấp quan hệ lao động theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Thẩm quyền giải quyết: Vụ việc bà Danh Hoàng Kim N khởi kiện tranh chấp đòi tiền lương và phụ cấp lương, các khoản bảo hiểm. phát sinh từ hợp đồng lao động đối với Công ty Q1 có nội dung phù hợp pháp luật, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là Công ty Q1 có trụ sở hoạt động chính tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:*

- Vụ án không thuộc trường hợp phải có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tiền tố tụng : Người lao động yêu cầu đòi lại số tiền lương, phụ cấp lương và các khoản bảo hiểm: Phòng Lao động và Thương binh xã hội thành phố T đã tiến hành thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động tại cơ sở 02 lần nhưng không tiến hành hòa giải được nên lập biên bản hòa giải không thành theo quy định tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật Lao động 2019. Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 188 Bộ luật Lao động, người lao động khởi kiện là phù hợp.

- Bị đơn là Công ty Cổ phần Q1 (Mã số doanh nghiệp: 0313436919) qua tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ K và Đầu tư tại thời điểm thụ lý, xét xử sơ thẩm vụ án thì doanh nghiệp có địa chỉ trụ sở hoạt động chính tại: Tầng F Nhà X, Lô I, Đường N, Khu công nghệ cao, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là địa chỉ bị đơn giao dịch ghi trên hợp đồng lao động là phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ vụ án (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Q1 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/10/2021).

Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho Công ty Cổ phần Q1 theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Ngày 23/6/2023 Tòa án tổng đạt cho đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Q1 và Công ty Cổ phần Q1 Thông báo thụ lý vụ án số 32/2021/TBTL ngày 15/5/2023 và Giấy triệu tập để trình bày bản tự khai vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 10/7/2023;

Công ty Cổ phần Q1 lập văn bản ủy quyền số 2106/2023/UQTT-OEIC ngày 30/6/2023 cho các cá nhân làm người đại diện bị đơn tham gia tố tụng vụ án là hợp pháp.

- Ngày 14/7/2023 Tòa án tổng đạt cho đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Q1 Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 31/7/2023; nếu vắng mặt phiên họp sẽ mở lần 02 vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 10/8/2023.

- Ngày 21/8/2023 Tòa án tổng đạt cho đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Q1 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5160/2023/QĐXXST-LĐ ngày 15/8/2023, Biên bản tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 05/9/2023.

Ngày 31/8/2023 Công ty Q1 có Thông báo chấm dứt ủy quyền. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho đại diện pháp luật của Công ty.

- Ngày 08/9/2023 Tòa án tổng đạt cho đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Q1 và Công ty Cổ phần Q1 các văn bản: Quyết định hoãn phiên tòa số 5819/2023/QĐ-LĐST ngày 05/9/2023 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/9/2023;

Nhưng trong tất cả các lần được triệu tập nêu trên và tại phiên tòa đại diện Công ty Q1 vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Công ty Q1.

- Xét trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm của Công ty Q1 và người lao động không thuộc trách nhiệm dân sự theo thỏa thuận hợp đồng, mà trách nhiệm luật định theo Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế quy định nên xét không cần thiết phải tiến hành hòa giải và không cần thiết phải đưa Bảo hiểm xã hội thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng vụ án, với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án;

[3] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Xét Hợp đồng lao động số 01042022/HĐLĐ ngày 01/4/2022 (lần 1) ký kết giữa Công ty Q1 với bà Danh Hoàng Kim N là quan hệ lao động theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Lao động năm 2019. Xét đây là hợp đồng lao động có hình thức, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các chủ thể tự nguyện ký kết là giao dịch hợp pháp nên Hợp đồng lao động có giá trị pháp lý phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Thời hạn hợp đồng lao động được xác định là 01 năm, từ ngày 01/4/2022 đến ngày 31/3/2023.

Quá trình thực hiện Hợp đồng lao động, bà N làm việc tại Công ty Q1 theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng Mức lương cơ bản là 5.500.000 đồng/tháng. Do Công ty Q1 thanh toán tiền lương không đầy đủ nên phát sinh tranh chấp hợp đồng lao động.

3.2 *Xét yêu cầu đòi nợ lương của nguyên đơn:*

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chứng minh Công ty Q1 còn nợ tiền lương, phụ cấp lương của bà Danh Hoàng Kim N gồm các khoản, cụ thể như sau:

- Lương tháng 10/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 3.500.000 đồng (ngày 23/12/2022), 397.038 đồng (ngày 24/3/2023) còn nợ lại số tiền là: 5.485.191 đồng – (3.500.000 + 397.038) đồng = 1.588.153 đồng; (1)

- Lương tháng 11/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 1.219.346 đồng (ngày 20/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 6.096.731 đồng – 1.219.346 đồng = 4.877.385 đồng; (2)

- Lương tháng 12/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 986.056 đồng (ngày 22/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 4.930.278 đồng – 986.056 đồng = 3.944.222 đồng; (3)

- Lương tháng 01/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 987.038 đồng (ngày 17/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 4.935.192 đồng – 987.038 đồng = 3.948.154 đồng; (4)

- Lương tháng 02/2022: Công ty Q1 đã thanh toán được số tiền 710.500 đồng (ngày 15/03/2023), còn nợ lại số tiền là: 3.552.500 đồng – 710.500 đồng = 2.842.000 đồng; (5)

Tổng số tiền tiền lương của tháng 10/2022, 11/2022, 12/2022, 01/2023, 02/2023 mà Công ty Q1 còn nợ nguyên đơn là: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 17.199.914 đồng.

Xét thấy số nợ lương này là xác thực, phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ vụ án (Phiếu lương của bà N của tháng 10, 11, 12/2022 và tháng 01, 02/2023; Bảng sao kê tài khoản tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Đ; Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHYT của mã số BHXH: 7910288428 của bà Danh Hoàng Kim N) nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi nợ lương của nguyên đơn.

Về tiền lương, phụ cấp lương của bà Danh Hoàng Kim N tháng 3/2023 do nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.3 Về các khoản bảo hiểm: Căn cứ theo Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Danh Hoàng Kim N (Mã số BHXH: 7910288428) do cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp ngày 30/5/2023, thể hiện:

Bảo hiểm xã hội đã đóng đến hết tháng 01/2021, còn nợ bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2021 đến nay;

Bảo hiểm thất nghiệp đã đóng đến hết tháng 02/2023, còn nợ bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 3/2023 đến nay;

Bảo hiểm y tế đã đóng đến hết tháng 02/2023, còn nợ bảo hiểm y tế từ tháng 3/2023 đến nay;

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động, có nội dung: “Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền

lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội” và “Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động... trả số bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật”. Và khoản 1 Điều 44 Luật Việc làm năm 2013 quy định về tham gia bảo hiểm thất nghiệp: “Người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực”. Như vậy, về trách nhiệm của người sử dụng lao động là phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định và hàng tháng trích từ tiền lương, tiền công của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Công ty Q1 đã có lỗi trong việc không thực hiện đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm nên xét thấy bà Danh Hoàng Kim N yêu cầu Công ty Q1 phải đóng các khoản bảo hiểm là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên xét chấp nhận.

Đối với bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp : Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014): *“Hàng tháng, người sử dụng lao động đóng bảo hiểm y tế cho người lao động và trích tiền đóng bảo hiểm y tế từ tiền lương của người lao động để nộp cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm y tế”*. Số nợ bảo hiểm y tế mà Công ty Q1 chưa đóng cho bà N là tháng 3 và tháng 4/2023 phù hợp với số liệu theo cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp. Do đó Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm tiếp tục đóng Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà Danh Hoàng Kim N với mức lương là 5.500.000 đồng, theo tỷ lệ pháp luật về bảo hiểm quy định.

Sau khi Công ty Cổ phần Q1 thi hành án xong (nộp đủ các khoản bảo hiểm cho bà Danh Hoàng Kim N cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chi thanh toán các khoản bảo hiểm cho bà Danh Hoàng Kim N theo quy định pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Công ty Cổ phần Q1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Hội đồng xét xử, xét:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều khoản tại Hợp đồng lao động số 01042022/HĐLĐ ngày 01/4/2022 và Điều 1; Điều 20; khoản 4, 6 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 21 và khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 1 Điều 44 Luật Việc làm năm 2013; khoản 1 Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Hoàng Kim N về việc:

Buộc Công ty Cổ phần Q1 có phải thanh toán tiền lương, phụ cấp lương cho bà Danh Hoàng Kim N số tiền là 17.199.914 (Mười bảy triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm mười bốn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm tiếp tục đóng Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà Danh Hoàng Kim N với mức lương là 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm ngàn) đồng, theo tỷ lệ pháp luật về bảo hiểm quy định.

Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm đóng số nợ bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2022 đến hết tháng 3/2023 có trách nhiệm chốt sổ BHXH cho bà Danh Hoàng Kim N theo luật định;

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Danh Hoàng Kim N về việc yêu cầu Công ty Q1 phải thanh toán tiền lương và tiền phụ cấp của bà N tháng 3/2023 là 3.252.500 (Ba triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Danh Hoàng Kim N không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Q1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 515.997 (Năm trăm mười lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Cổ phần Q1 và bà Danh Hoàng Kim N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Hải Yến

